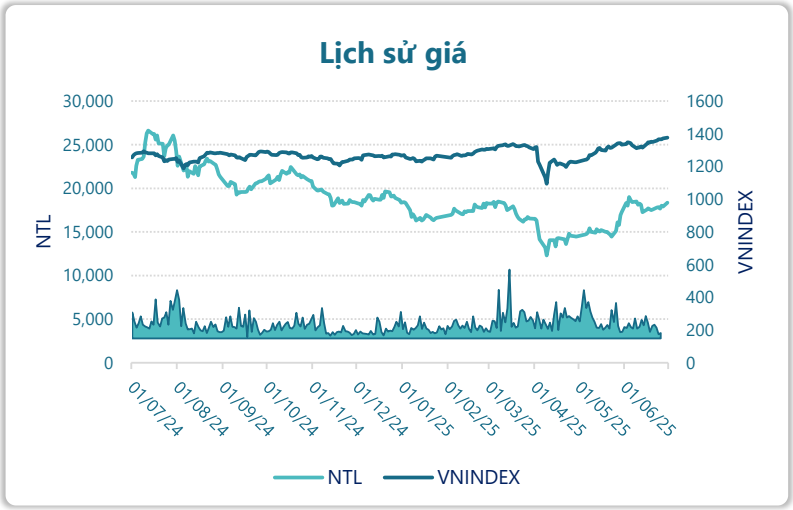
FireAnt

CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm (HSX: NTL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,350**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,615
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,300
SL cổ phiếu LH	121,979,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,190,205
% sở hữu nước ngoài	11.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,238
P/E	-61.2
EPS	-300

DT thuần

Q2/25

6.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.66| 76.5%

YoY: ▼1,374| -99.6%

LN sau thuế

Q2/25

1.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.90| -77.2%

YoY: ▼646| -99.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

46.3%

+/- YoY: ▼ 14.2%

DT thuần

6T 2025

9.62

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,406| -99.3%

LN sau thuế

6T 2025

7.80

tỷ VNĐ

YoY: ▼644| -98.8%

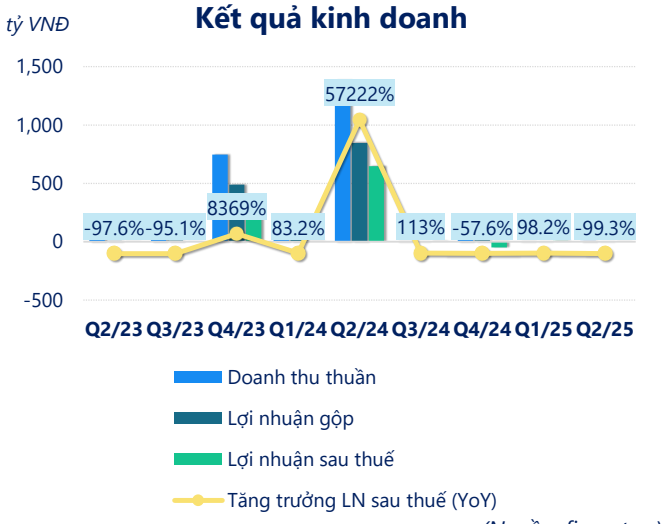
ROE

Q2/25

-2.0%

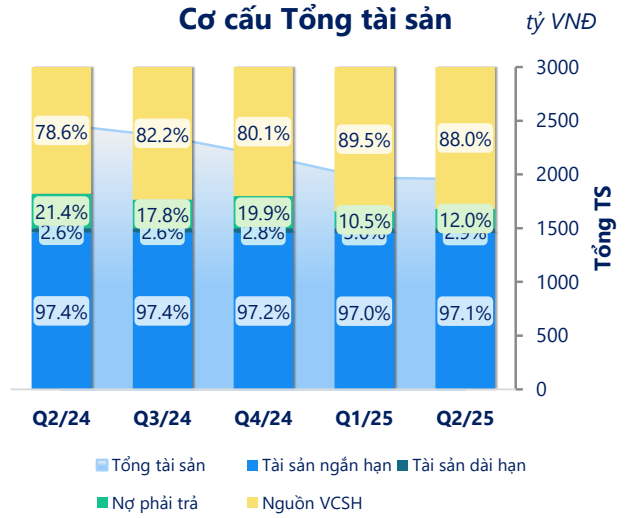
+/- YoY: ▼ 68.9%

Kết quả kinh doanh



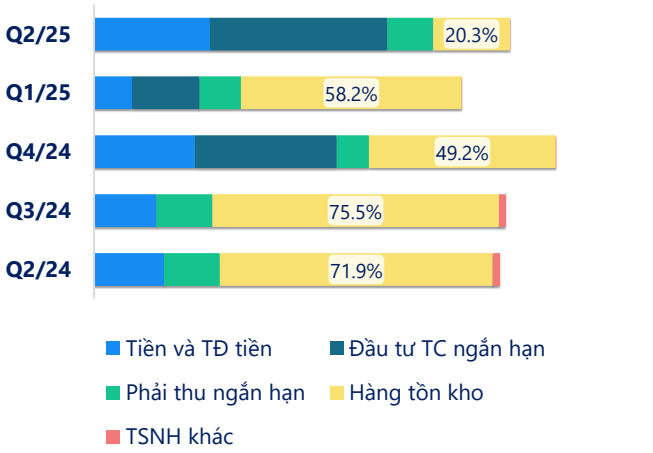
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



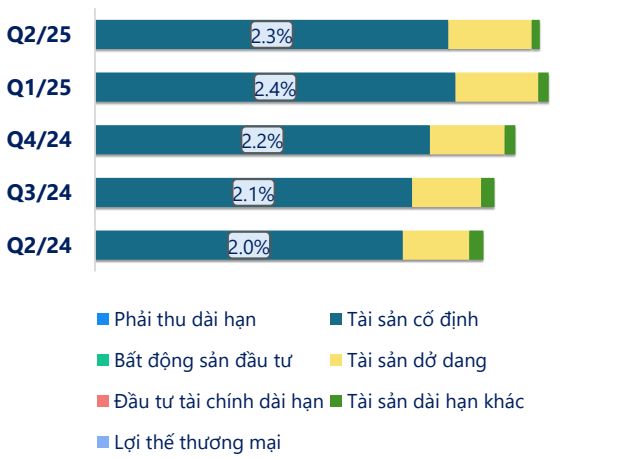
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



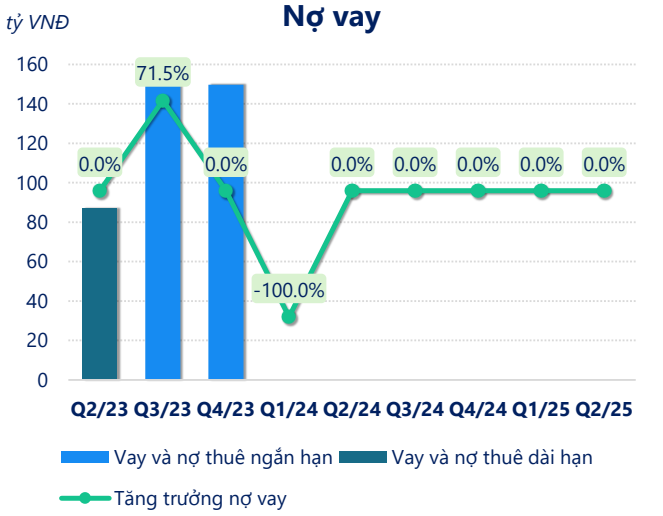
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



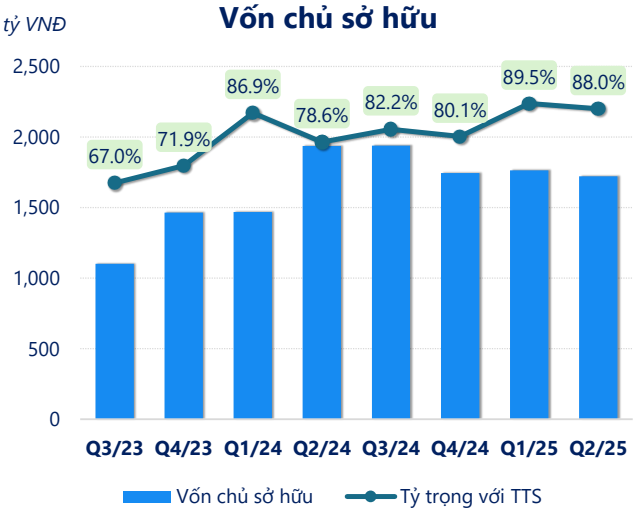
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



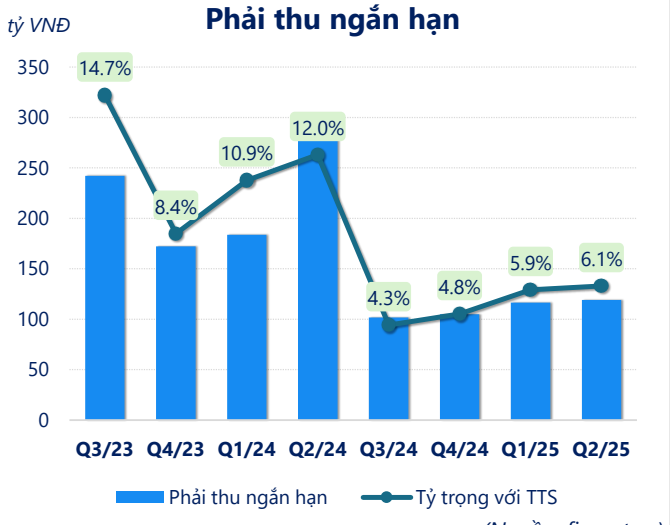
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



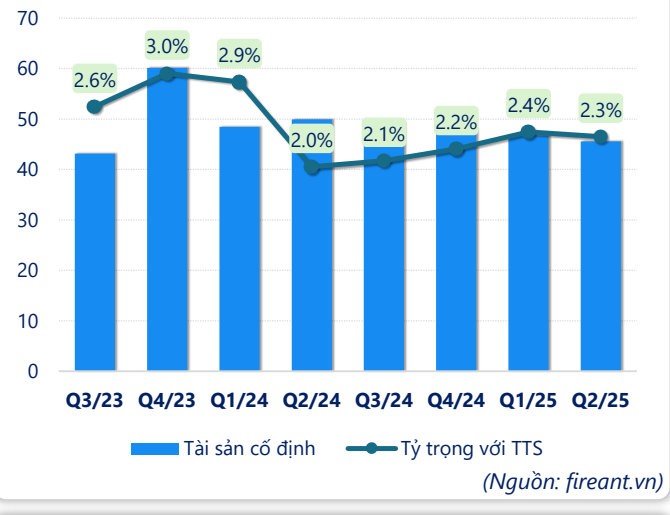
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



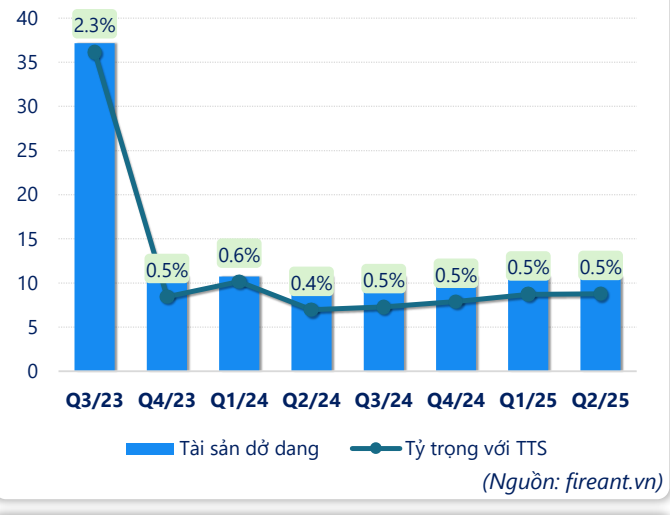
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



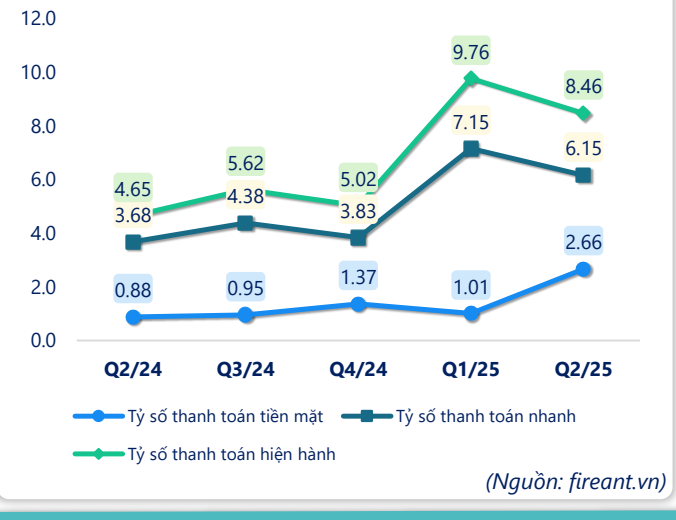
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



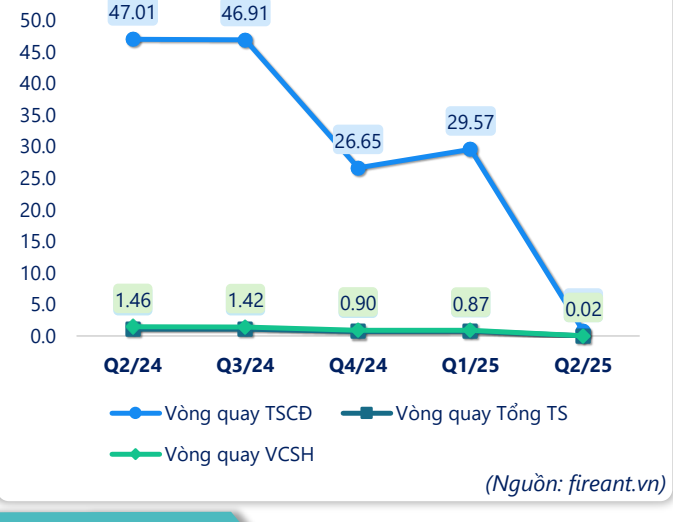
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,464**	**2,359**	**2,178**	**1,971**	**1,958**
Tài sản ngắn hạn	**2,401**	**2,297**	**2,118**	**1,912**	**1,900**
Tiền và tương đương tiền	454	387	577	198	598
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,150	1,300	935	1,086	664
Phải thu ngắn hạn	296	102	105	116	119
Hàng tồn kho	500	508	500	510	519
Tài sản ngắn hạn khác	1.18	0.23	0.63	1.46	0.19
Tài sản dài hạn	**63.0**	**62.0**	**60.3**	**58.9**	**57.3**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	49.9	49.2	48.0	46.8	45.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.35	2.06	1.54	1.38	1.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**528**	**419**	**433**	**207**	**235**
Nợ ngắn hạn	**517**	**409**	**422**	**196**	**225**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.64	4.62	5.30	3.27	2.24
Nợ dài hạn	10.9	10.9	10.9	10.9	10.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,936**	**1,940**	**1,745**	**1,764**	**1,722**
Vốn chủ sở hữu	**1,936**	**1,940**	**1,745**	**1,764**	**1,722**
Vốn điều lệ	610	1,220	1,220	1,220	1,220
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)